

Số: 436 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 20...²²

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 1053/BSG-MT ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy bia Sài Gòn-Nguyễn Chí Thanh;

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn, địa chỉ tại 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh địa chỉ tại 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh.

1.2. Địa điểm hoạt động: 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số: 0300583659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cấp lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2008 thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 5 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 0300583659.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bia.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 23.299,1 m².

- Công suất: 135 triệu lít/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Hạt malt → Xử lý nguyên liệu → Đường hóa → Lọc dịch đường → Nồi đun sôi houblon → Tách cặn → Giải nhiệt nhanh → Lên men chính-phụ → Lọc trong → Bão hòa CO₂ → Chiết chai/lon → Đóng nắp → Thanh trùng → Dán nhãn và đóng thùng sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày ³⁰..... tháng ¹²..... năm 20~~22~~ đến ngày ²⁹..... tháng ¹²..... năm 20²⁹).

Các Giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp cho cơ sở hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTHC, Bộ TN&MT;
- Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn;
- Lưu: VT, TCMT, HHa.12.

oa *n*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 20...
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ quá trình nấu bia (từ các công đoạn nấu nguyên liệu, lắng cặn, gia nhiệt và lọc) tại khu vực nhà nấu.

Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi.

Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình giải nhiệt bia sau khi nấu, lọc bia cũ.

Nguồn số 04: Nước rửa lọc bồn cát, than, làm mềm hệ thống RO.

Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh quạt giải nhiệt.

Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ quá trình lên men từ khu lên men.

Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ khu vực màng lọc.

Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ quá trình chiết lon.

Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ quá trình chiết chai.

Nguồn số 10: Nước thải rửa lọc từ hệ thống xử lý nước giếng.

Nguồn số 11: Nước thải phát sinh từ quá trình phân tích mẫu tại Phòng Kiểm nghiệm chất lượng.

Nguồn số 12: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh đặt tại xưởng chiết.

Nguồn số 13: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khối văn phòng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Hệ thống thoát nước thải trên đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ thu gom nước thải trên hệ thống thoát nước thải tại số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tọa độ xả nước thải: X = 599706; Y = 1189904 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105° 30' múi chiều 3 độ).

2.3. Lưu lượng xả thải tối đa: 1.200 m³/ngày đêm (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau mương quan trắc (của hệ thống xử lý nước thải) được tự chảy vào hố ga cuối (trong nhà máy) và được dẫn vào hệ thống thoát nước thải của khu vực nằm trên đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hình thức xả: Xả vào đường ống ngầm dẫn về hầm ga dưới đường nằm trên đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5,5 - 9	3 tháng/lần	Đã lắp đặt
2.	Độ màu	Pt - Co	150		Đã lắp đặt
3.	TSS	mg/l	90		Đã lắp đặt
4.	COD	mg/l	135		Đã lắp đặt
5.	Amoni	mg/l	9		Đã lắp đặt
6.	Tổng N	mg/l	36		
7.	Tổng P	mg/l	5,4		
8.	Clo dư	mg/l	1,8		
9.	BOD ₅	mg/l	45		
10.	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000		
11.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sản xuất phát sinh từ các khu vực nhà nấu và khu vực lò hơi (nguồn số 01 và nguồn số 02) được đưa về hố thu gom có thể tích thiết kế 5 m³ (hố thu gom TK – 01A) sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình giải nhiệt bia sau khi nấu, lọc bia cũ (nguồn số 03) được đưa về hố thu gom có thể tích thiết kế 5 m³ (hố thu gom TK – 01B) sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm.

- Nước rửa lọc bồn cát, than, làm mềm hệ thống RO, nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh quạt giải nhiệt (nguồn số 04, nguồn số 05) được đưa về hố thu gom khu vực máy đập lon, tiếp tục đưa về hố thu gom TK – 01C, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm.

Nước thải sản xuất từ khu vực lên men, khu lọc màng, khu vực chiết lon và nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng, nước thải khu vực kiểm nghiệm chất lượng (nguồn số 06 – nguồn số 08 và nguồn số 11) được đưa về hố thu gom có thể tích thiết kế 20 m³ (hố thu gom TK – 01C) sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm.

- Nước thải sản xuất từ khu vực chiết chai (nguồn số 09) được đưa về hồ thu gom có thể tích thiết kế 26 m³ (hồ thu gom T-01) sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm.

- Nước thải rửa lọc từ hệ thống xử lý nước giếng (nguồn số 10) được đưa về Bể điều hòa TK-02 sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh đặt tại xưởng chiết (nguồn số 12) được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đưa về hồ thu gom khu vực máy rửa lon, tiếp tục đưa về hồ thu gom TK – 01C, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm.

-Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh khối văn phòng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đưa về hồ thu gom có thể tích thiết kế 20 m³ (hồ thu gom TK – 01C) sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải từ các hồ thu gom (TK – 01A, TK – 01B, TK – 01C, T-01) đưa qua thiết bị tách rác tinh → Bể điều hòa (TK-02) → Bể yếm khí USAB (TK-03A/B) → Bể trung gian (TK-04) → Bể hiếu khí SBR (TK-05A/B) → Bể khử trùng (TK-06) → Hồ ga cuối → Hệ thống thoát nước của Thành phố.

- Công suất thiết kế: 1.200 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: HCl, Clo (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước tuần hoàn:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Một phần nước thải sau xử lý từ bể khử trùng (TK-06) → Lọc cát → Lọc than hoạt tính → Làm mềm → Lọc tinh → Lọc RO → Tuần hoàn cho quá trình sản xuất.

- Công suất thiết kế: 25 m³/giờ (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: NaCl, Clo, than hoạt tính, Antiscalant (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Hồ thu gom cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni, độ màu.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Đã lắp đặt.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Đã được kết nối với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản xác nhận số 848/TTQT-TTDL ngày 23 tháng 11 năm 2017 và văn bản số 09/TTQT-TTDL ngày 07 tháng 01 năm 2021.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Công ty có 04 Bể chứa sự cố có dung tích thiết kế như sau:

- Bể DP-1 có dung tích 167 m³.
- Bể DP-2 có dung tích 180 m³.
- Bể DP-3 và DP-4 có dung tích 565 m³/bể.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày:

- Nhà máy đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để theo dõi, giám sát các thông số ô nhiễm bao gồm: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni, độ màu, đồng thời trang bị các thiết bị phân tích tại phòng thí nghiệm để kiểm tra thường xuyên, định kỳ đối với một số thông số trong nước thải. Nhà máy chủ động cài đặt báo động đỏ khẩn cấp khi các thông số chất lượng nước thải gần chạm ngưỡng - cách ngưỡng quy định 20% đơn vị giá trị.

- Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ theo quy định đối với thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Đã xây dựng các kịch bản phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và đưa ra các giải pháp cụ thể để khắc phục, cụ thể:

+ Khi nước thải đầu ra chưa đáp ứng QCVN (phát hiện thông qua hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc qua công tác kiểm tra nước thải đầu ra định kỳ), Nhà máy sẽ mở van dẫn nước thải về hệ thống bể sự cố và khẩn trương kiểm tra quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Sau khi kiểm tra, khắc phục, nước thải được bơm từ bể sự cố về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố (có thể do hiệu quả hoạt động của các bể vi sinh hoặc việc vỡ, nứt các bể chứa nước...), Nhà máy sẽ mở van dẫn nước thải về các bể sự cố, đồng thời Nhà máy sẽ liên hệ đơn vị bảo trì, sửa chữa khắc phục nhanh nhất có thể để hệ thống xử lý nước thải nhanh chóng được tiếp tục vận hành. Trường hợp, việc khắc phục sự cố kéo dài hơn 01 ngày, các bể sự cố không đảm bảo khả năng lưu giữ nước thải, Nhà máy sẽ ngừng hoạt động để khắc phục sự cố. Sau khi kiểm tra, khắc phục, nước thải được bơm từ bể sự cố về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm do Nhà máy bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh đã đi vào hoạt động, đồng thời các công trình xử lý nước thải nêu tại Giấy phép môi trường này đã được xác nhận hoàn thành tại các giấy phép môi trường thành phần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Nhà máy bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục

3.5. Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 20...
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- 1.1. Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ công đoạn nhập nguyên liệu malt, gạo.
- 1.2. Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ công đoạn xuất nguyên liệu gạo.
- 1.3. Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ công đoạn xuất nguyên liệu malt.
- 1.4. Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ công đoạn nghiền nguyên liệu.
- 1.5. Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ lò hơi công suất 14 tấn/giờ (nhiên liệu sử dụng là dầu DO).
- 1.6. Nguồn số 06: Khí sinh học (biogas) từ hệ thống xử lý yếm khí (bể UASB) nước thải của Nhà máy.
- 1.7. Nguồn số 07: Khí thải từ máy phát điện (dự phòng) có công suất 2.000 KVA sử dụng dầu DO (hoạt động không thường xuyên) (theo đề nghị của Công ty).
- 1.8. Nguồn số 08: Khí thải từ máy phát điện (dự phòng) có công suất 1.600 KVA sử dụng dầu DO (hoạt động không thường xuyên) (theo đề nghị của Công ty).
- 1.9. Nguồn số 09: Khí thải từ máy phát điện (dự phòng) có công suất 1.600 KVA sử dụng dầu DO (hoạt động không thường xuyên) (theo đề nghị của Công ty).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải số 01 của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nhập nguyên liệu malt, gạo (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 599638; Y = 1189925.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải số 02 của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn xuất nguyên liệu gạo (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 599736; Y = 1189903.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thải bụi, khí thải từ công đoạn xuất nguyên liệu malt (nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 599738; Y = 1189888.
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thải bụi, khí thải từ công đoạn nghiền nguyên liệu (nguồn số 04), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 599781; Y = 1189938.
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi (nguồn số 05), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 599770; Y = 1189875.
- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với đống đốt khí sinh học (biogas) từ hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy (nguồn số 06), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 599648; Y = 1189901.

- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống thải từ máy phát điện dự phòng công suất 2.000 KVA (nguồn số 07), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 599703; Y = 1189794 (theo đề nghị của Công ty).

- Dòng khí thải số 08: Tương ứng với ống thải từ máy phát điện dự phòng công suất 1.600 KVA (nguồn số 08), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 599703; Y = 1189794 (theo đề nghị của Công ty).

- Dòng khí thải số 09: Tương ứng với ống thải từ máy phát điện dự phòng công suất 1.600 KVA (nguồn số 09), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 599703; Y = 1189794 (theo đề nghị của Công ty).

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải thực tế lớn nhất (theo đề nghị và cam kết của Công ty):

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 33.600 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 9.600 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 9.600 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.400 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 24.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 06: Đốt được khí sinh học.

- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải chưa xác định.

- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải chưa xác định.

- Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải chưa xác định.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống thải, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động (đối với các dòng khí thải số 01, 02, 03, 04 và 05) và chỉ xả khi hoạt động (đối với các dòng khí thải số 07, 08 và 09).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 0,9$ và $K_v = 0,6$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01, 02, 03 và 04				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	108	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
II	Dòng thải số 05				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	108	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	540		
3	NO _x	mg/Nm ³	459		
4	SO ₂	mg/Nm ³	270		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
III	Dòng thải số 07, 08 và 09				
1	CO	mg/Nm ³	540	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	NO _x	mg/Nm ³	459		
3	SO ₂	mg/Nm ³	270		
Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc bụi, khí thải công nghiệp để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải.					

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 - 04: Bụi phát sinh từ các công đoạn xuất, nhập và nghiền nguyên liệu malt, gạo được thu gom bằng đường ống bằng thép, chuyển qua các lọc bụi dạng túi vải, bụi được tách ra chứa vào bao, sau đó đưa vào công đoạn nấu để tái sử dụng hoặc bán.

- Nguồn số 05: Khí thải từ lò hơi được thu gom bằng đường ống để dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 06: Khí sinh học (biogas) từ công đoạn xử lý yếm khí (bể UASB) của hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy được thu gom, sử dụng đốt.

- Nguồn số 07 - 09: Khí thải từ 03 máy phát điện dự phòng được thu gom thông qua đường ống khói thải tương ứng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi số 01, 02, 03 và số 04 (xử lý bụi phát sinh tương ứng của từng nguồn số 01, số 02, số 03 và số 04):

- Tóm tắt quy trình công nghệ (của từng nguồn số 01, số 02, số 03 và số 04): Bụi từ quá trình xuất, nhập nguyên liệu → Hệ thống lọc túi vải → Ống thải.

- Công suất thiết kế:

+ Công đoạn nhập nguyên liệu malt, gạo: 33.600 m³/giờ (tương ứng dòng số 01);

+ Công đoạn xuất nguyên liệu gạo: 9.600 m³/giờ (tương ứng dòng số 02);

+ Công đoạn xuất nguyên liệu malt: 9.600 m³/giờ (tương ứng dòng số 03);

+ Công đoạn nghiền nguyên liệu: 5.400 m³/giờ (tương ứng dòng số 04);

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải lọc bụi.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 14 tấn/giờ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ (nguồn số 05): Khí thải lò hơi → Ống dẫn tháp hấp thụ bậc 1 → Quạt hút → Tháp hấp thụ bậc 2 → Ống khói phát tán ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 24.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

1.2.3. Hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy (hệ thống số 09):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi (nguồn số 06) → Bộ tách pha → Bộ đốt khí → Ống khói.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

1.2.4. Hệ thống thoát khí máy phát điện dự phòng:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ 03 máy phát điện dự phòng (nguồn số 07, 08 và 09) → Ống thải.

- Nhiên liệu sử dụng: Dầu DO

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của lò hơi và hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Khi có sự cố: Dừng hoạt động lò hơi, kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm do Nhà máy bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh đã đi vào hoạt động, đồng thời các công trình xử lý nước thải nêu tại Giấy phép môi trường này đã được xác nhận hoàn thành tại các giấy phép môi trường thành phần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 20...
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy nghiền tại Nhà xay nghiền nguyên liệu.
- Nguồn số 02: Máy nén khí và các máy nén của hệ thống máy lạnh tại Khu vực nhà động lực.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng tại Khu vực bố trí máy phát điện.
- Nguồn số 04: Máy chiết bia lon tại Khu vực chiết bia thành phẩm.
- Nguồn số 05: Máy chiết bia chai tại Khu vực chiết bia thành phẩm.
- Nguồn số 06: Máy thổi khí tại Khu vực Xử lý nước thải.
- Nguồn số 07: Các máy nén CO₂ và máy nén lạnh NH₃ tại Khu vực thu hồi CO₂.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 599762; Y = 1189938
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 559713; Y = 1189782
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 599703; Y = 1189794
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 599685; Y = 1189823
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 599701; Y = 1189810
- Nguồn số 06: Tọa độ: X = 599711; Y = 1189764
- Nguồn số 07: Tọa độ: X = 599648; Y = 1189841

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30 múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Động cơ quạt công suất lớn được đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu được độ rung khi hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *Ư*

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 20...
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	12
2	Giẻ lau, giấy lau, bao tay dính hóa chất, dầu nhớt thải	18 02 01	2.136
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	642
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	5.778
5	Bóng đèn quỳnh quang thải	16 01 06	204
6	Hóa chất thải từ phòng thí nghiệm	19 05 02	1.800
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	6.504
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	30
9	Bình acquy	16 01 12	720
10	Hộp mực in thải	08 02 04	84
11	Chất thải y tế	13 01 01	12
12	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	63
	Tổng khối lượng		17.985

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	283.304
2	Lõi lọc cartridge thải bỏ	350
3	Phế liệu thải	247.000
4	Dịch men thải	3.100.000
	Tổng khối lượng	3.630.654

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	161
	Tổng khối lượng	161

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa chất thải có nắp đậy dung tích 120 lít và 200 lít được sử dụng để lưu chứa các loại chất thải: Hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, giấy lau, bao tay dính hóa chất, dầu nhớt thải, dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn thải, cặn dầu nhiên liệu thải các thiết bị, linh kiện điện tử thải, tro đáy và bụi lò hơi thải...; bể có dung tích 1,5 m³ được sử dụng để chứa hóa chất phòng thí nghiệm.

2.1.2. Kho/ bãi lưu chứa:

- Diện tích kho: 52 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch bao kín, mái khung thép lợp tôn, nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bã hèm, men thải được chứa trong các silo kín và không lưu trữ mà chuyển giao trực tiếp cho đơn vị chức năng.

- Bùn thải được chứa vào bao tải kín và được lưu giữ ở khu vực lưu giữ trước khi chuyển giao.

2.2.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: 20 m² (để lưu chứa các loại chất thải công nghiệp thông thường).
- Diện tích các khu vực lưu giữ: 38 m² (để lưu giữ phế liệu thải trước khi chuyển giao để tái chế) và 54 m² (để lưu giữ bùn thải trước khi chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định).

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch xung quanh, mái khung thép lợp tôn, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Nhà máy sử dụng thùng chứa có nắp đậy loại 120 lít để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Uz

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 20...
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các Quyết định số: 1548/QĐ-MTg ngày 17 tháng 7 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty bia Sài Gòn; 604/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày tại Nhà máy Bia Sài Gòn - số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5”; 407/QĐ-TNMT-QLMT ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư nâng công suất hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Bia Sài Gòn – Nguyễn Chí Thanh (trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) tại địa chỉ số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5. Công suất của hệ thống xử lý nước thải được nâng từ 1.200 m³/ngày lên 1.600 m³/ngày; 1994/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Mở rộng và nâng công suất hệ thống xử lý nước thải từ 1.600 m³/ngày lên 2.000 m³/ngày” tại số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5 của Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (hạng mục công trình xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày (24 giờ) đã dừng hoạt động, 04 bể xử lý thuộc hệ thống xử lý nước thải được sử dụng như bể ứng phó sự cố).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Trường hợp Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn tiếp tục đầu tư, vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày (24 giờ) được phê duyệt tại các quyết định số: 407/QĐ-TNMT-QLMT ngày 23 tháng 5 năm 2011 và 1994/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty phải lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường theo quy định để được xem xét, thực hiện.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /_{lta}

